

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải
trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là giá dịch vụ thoát nước) trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu tiền dịch vụ thoát nước và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có xả nước thải vào hệ thống thoát nước tập trung trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp tiền dịch vụ thoát nước thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 3. Giá dịch vụ thoát nước

1. Mức giá dịch vụ thoát nước:

Số TT	Mục đích sử dụng	Mức sử dụng	Giá dịch vụ thoát nước (đồng/m ³)
1	Nước phục vụ sinh hoạt các hộ dân cư	10 m ³ đầu tiên	429
		Từ trên 10 m ³ đến 20 m ³	533
		Từ trên 20m ³ đến 30 m ³	638
		Trên 30 m ³	876
2	Nước sinh hoạt các hộ nghèo có sổ	10 m ³ đầu tiên	343
		Từ trên 10 m ³ đến 20 m ³	429
		Từ trên 20m ³ đến 30m ³	533
		Trên 30 m ³	638
3	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện, phục vụ mục đích công cộng)	Theo thực tế sử dụng	638
4	Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	800
5	Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	1.048

2. Giá dịch vụ thoát nước tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Đối với các đối tượng chỉ dùng 01 (một) đồng hồ đo nước cho nhiều mục đích sử dụng nước có đơn giá khác nhau và giá bán buôn nước sạch qua đồng hồ tổng giữa đơn vị cấp nước với đơn vị bán lẻ thì được áp dụng giá bán như sau:

a) Đối với hộ sản xuất vật chất và kinh doanh dịch vụ (không kể hộ kinh doanh dịch vụ cho thuê phòng trọ) được tính như sau: Tính giá sinh hoạt 10 m³ đầu cho 01 hộ, phần m³ vượt sẽ áp dụng theo giá sản xuất vật chất, kinh doanh dịch vụ.

b) Đối với hộ kinh doanh dịch vụ cho thuê phòng trọ:

- Trường hợp thuê phòng trọ để ở thì mỗi hộ (gồm hộ gốc và các hộ ở trọ) được áp dụng định mức 10 m³/hộ và tính theo giá sinh hoạt các hộ dân cư.

- Trường hợp nếu vượt định mức m³ sử dụng thì phần vượt này được tính cho hộ gốc (hộ ký hợp đồng sử dụng nước với đơn vị cấp nước) với giá kinh doanh dịch vụ.

Điều 4. Xác định khối lượng nước thải

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Riêng trường hợp xác định khối lượng nước thải đối với nước thải sinh hoạt của các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải sinh hoạt được xác định là 4m³/người/tháng; trường hợp không tính được theo người thì tính theo hộ dân cư sử dụng là 16m³/hộ/tháng.

Điều 5. Quản lý và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước

1. Cơ quan quản lý, sử dụng nguồn thu:

Nguồn thu từ dịch vụ thoát nước được để lại toàn bộ cho chủ sở hữu công trình thoát nước quản lý và sử dụng cho các mục đích theo đúng quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

2. Tổ chức thu:

a) Công ty Cổ phần Điện nước An Giang có trách nhiệm tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước đối với các tổ chức, hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

b) Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường đô thị An Giang thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các tổ chức, hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

3. Tỷ lệ điều tiết nguồn thu:

a) Tỷ lệ để lại cho đơn vị thu bằng 5% trên số thu thực tế để chi phí cho công tác thu.

b) Số tiền còn lại nộp ngân sách nhà nước để chi cho công tác quản lý, vận hành, duy trì và phát triển hệ thống thoát nước.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành có liên quan kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ thoát nước tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc, đơn vị thu và các cơ quan liên quan xây dựng lộ trình, phương án điều chỉnh mức giá dịch vụ thoát nước đúng theo cam kết, phù hợp tình hình thực tế, bảo đảm khả năng chi trả hợp lý của người dân và hỗ trợ phát triển cho doanh nghiệp.

Việc điều chỉnh mức giá thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh.

2. Cơ quan thuế chịu trách nhiệm:

Hướng dẫn Công ty Cổ phần Điện nước An Giang, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường đô thị An Giang trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc

Ký hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị thoát nước và thanh quyết toán chi phí thoát nước theo đúng quy định hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường đô thị An Giang, Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước An Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Công ty CP Điện nước AG;
- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị AG;
- Đài PTTH & Báo An Giang;
- Công thông tin điện tử An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban & trung tâm;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nung